

Căn cứ cơ sở pháp lý như sau :

Ngày 16/02/2015, Chính phủ ban hành Nghị định số 23/2015/NĐ-CP về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch (sau đây gọi chung là Nghị định số 23/2015/NĐ-CP), Nghị định này có hiệu lực kể từ ngày 10/4/2015 và thay thế Nghị định số 79/2007/NĐ-CP ; Nghị định số 04/2012/NĐ-CP; Điều 4 của Nghị định số 06/2012/NĐ-CP; các quy định về chứng thực hợp đồng, giao dịch tại Nghị định số 75/2000/NĐ-CP. So với các Nghị định nêu trên, Nghị định số 23/2015/NĐ-CP có một số điểm mới cơ bản sau đây:

1. Về thẩm quyền và trách nhiệm chứng thực (Điều 5):

1.1. Thẩm quyền chứng thực bản sao từ bản chính:

- Việc phân định thẩm quyền chứng thực bản sao từ bản chính giữa Phòng Tư pháp và UBND cấp xã được căn cứ vào cơ quan cấp giấy tờ, văn bản. Theo đó, Phòng Tư pháp thực hiện chứng thực bản sao từ bản chính các giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam, cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài, cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận (điểm a khoản 1); UBND cấp xã thực hiện chứng thực bản sao từ bản chính các giấy tờ, văn bản do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận (điểm a khoản 2).

- Để bảo đảm triển khai thi hành Luật Công chứng năm 2014, Nghị định số 23/2015/NĐ-CP (khoản 4) đã quy định cụ thể về thẩm quyền và trách nhiệm của Công chứng viên trong việc chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký tương đương thẩm quyền của Phòng Tư pháp, trừ việc công chứng bản dịch phải được thực hiện theo quy định của Luật công chứng.

1.2. Thẩm quyền chứng thực chữ ký trong giấy tờ, văn bản:

Phòng Tư pháp và UBND cấp xã có thẩm quyền chứng thực như nhau, không phân biệt ngôn ngữ của giấy tờ văn bản (điểm b khoản 1, điểm b khoản 2).

1.3. Thẩm quyền chứng thực hợp đồng, giao dịch: